

CURRENT STATUS OF MANAGEMENT OF CONDITIONS FOR LEARNING OUTCOMES ASSESSMENT IN HIGH SCHOOLS IN THE FORMER MY XUYEN DISTRICT AREA, CAN THO CITY, ACCORDING TO THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM

Lam Trong Nguyen

Van Ngoc Chinh High School

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	24/5/2025	This study evaluated the management of physical facilities, equipment, and the application of information technology for learning outcomes assessment at high schools in the former My Xuyen district area (now part of Can Tho city), according to the requirements of the 2018 General Education Program. Based on survey data from 60 administrators and teachers across four schools, the study used descriptive statistics and independent samples T-tests for analysis. The results show that the overall management was rated as "Good" (with an overall mean score of 2.98/4). A key strength was the focus on information technology application (rated "Very Good" with a mean score of 3.53); however, conditions regarding physical facilities and equipment still had significant limitations, notably the lack of specialized multiple-choice test scoring machines. No statistically significant difference was found in the evaluation between the two respondent groups. The study's findings provide a practical basis for proposing suitable management solutions, contributing to meeting the demands of educational innovation.
Revised:	22/8/2025	
Published:	24/8/2025	

KEYWORDS

Management
Learning outcomes assessment
Implementation conditions
High schools
2018 General Education Program

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN MỸ XUYỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ THEO YÊU CẦU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Lâm Trọng Nguyễn

Trường THPT Văn Ngọc Chính

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	24/5/2025	Nghiên cứu này đánh giá thực trạng quản lý các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập tại các trường trung học phổ thông khu vực huyện Mỹ Xuyên (cũ) (nay thuộc thành phố Cần Thơ), theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dựa trên dữ liệu khảo sát từ 60 cán bộ quản lý và giáo viên tại bốn trường, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và kiểm định T-test để phân tích. Kết quả cho thấy, công tác quản lý chung được đánh giá ở mức "Khá" (điểm trung bình chung đạt 2,98/4). Điểm sáng là sự chú trọng vào ứng dụng công nghệ thông tin (mức "Tốt" với điểm trung bình 3,53), tuy nhiên các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị vẫn còn nhiều hạn chế, điển hình là thiếu máy chấm trắc nghiệm chuyên dụng. Không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong đánh giá giữa hai nhóm đối tượng. Các phát hiện của nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
Ngày hoàn thiện:	22/8/2025	
Ngày đăng:	24/8/2025	

TỪ KHÓA

Quản lý
Kiểm tra đánh giá kết quả học tập
Điều kiện thực hiện
Trường trung học phổ thông
Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12876>

Email: lamtrongnguyen@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

247

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Kiểm tra, đánh giá (KTĐG) kết quả học tập (KQHT) đóng vai trò trung tâm trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 tại Việt Nam [1], [2]. CTGDPT 2018 đặt ra yêu cầu đổi mới KTĐG một cách toàn diện, thể hiện ở việc chuyển trọng tâm của KTĐG từ mục đích xếp loại sang mục đích đánh giá sự tiến bộ của học sinh, khuyến khích đa dạng hóa các phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá, kết hợp thường xuyên và định kỳ, cũng như chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực bên cạnh kiến thức [1]. Việc đáp ứng những yêu cầu đổi mới này đòi hỏi các trường phổ thông phải đảm bảo và quản lý hiệu quả nhiều điều kiện then chốt, bao gồm: năng lực của đội ngũ giáo viên (GV) trong thực hiện KTĐG mới, cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và công tác chỉ đạo, hỗ trợ từ phía cán bộ quản lý (CBQL). Sự quản lý tốt các điều kiện này chính là nền tảng vững chắc để hoạt động KTĐG diễn ra suôn sẻ, khách quan, chính xác, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [3].

Cần nhận thức rằng, các điều kiện để thực hiện KTĐG theo định hướng phát triển năng lực là một hệ thống đa dạng, bao gồm cả năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên (nhận thức, kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế công cụ, xử lý kết quả), CSVC - kỹ thuật và công tác chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường. Trong giới hạn của nghiên cứu này, tác giả tập trung đi sâu vào khảo sát thực trạng quản lý các điều kiện thuộc về CSVC, trang thiết bị và ứng dụng CNTT, là những yếu tố nền tảng chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh đạo nhà trường. Việc đánh giá các yếu tố liên quan đến năng lực của giáo viên là một vấn đề quan trọng và cần thiết, có thể được xem xét trong một nghiên cứu chuyên sâu khác.

Bối cảnh đổi mới giáo dục theo CTGDPT 2018 đã tạo động lực cho nhiều nghiên cứu về KTĐG ở Việt Nam. Các công trình đã tập trung vào các khía cạnh như thực trạng triển khai KTĐG theo định hướng năng lực, việc bồi dưỡng năng lực KTĐG cho GV, ứng dụng CNTT trong KTĐG [4] - [6]. Vai trò của công tác quản lý nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục mới cũng nhận được sự quan tâm đáng kể [3], [7], [8]. Các nghiên cứu này đã cung cấp cái nhìn quan trọng về những thách thức và thuận lợi trong quá trình đổi mới KTĐG. Ví dụ, một số nghiên cứu đã đi sâu vào thực trạng quản lý CSVC [9] hoặc ứng dụng CNTT [8] tại các trường học theo yêu cầu CTGDPT 2018, trong khi những nghiên cứu khác đánh giá năng lực của GV trong thực hiện KTĐG [10] hay khảo sát thực trạng đổi mới KTĐG ở các địa phương khác nhau [6], [11].

Tuy nhiên, việc đánh giá một cách đồng bộ và toàn diện thực trạng quản lý các điều kiện cần thiết cho hoạt động KTĐG theo yêu cầu CTGDPT 2018 tại các địa bàn cụ thể, đặc biệt là ở những khu vực còn đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội như các huyện nông thôn, vẫn còn là một khoảng trống cần được lấp đầy trong bức tranh nghiên cứu toàn diện. Hiểu rõ thực trạng chi tiết tại các trường trung học phổ thông (THPT) ở khu vực huyện Mỹ Xuyên (cũ), thành phố Cần Thơ sẽ cung cấp những thông tin và căn cứ thực tiễn cho các nhà quản lý giáo dục các trường để xây dựng và triển khai các giải pháp quản lý phù hợp, sát với điều kiện và nguồn lực tại địa phương.

Trong bối cảnh cấp thiết đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá thực trạng quản lý các điều kiện thực hiện hoạt động KTĐG KQHT tại các trường THPT thuộc khu vực huyện Mỹ Xuyên (cũ), thành phố Cần Thơ theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bài báo này trình bày về phương pháp nghiên cứu, kết quả thu được, bàn luận ý nghĩa của kết quả và các đề xuất rút ra từ nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thiết kế theo phương pháp định lượng, sử dụng kỹ thuật khảo sát mô tả để đánh giá thực trạng hiện tại. Việc thu thập dữ liệu chủ yếu được thực hiện thông qua việc phát phiếu điều tra dưới dạng bảng hỏi.

2.1. Đối tượng và địa bàn nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu là thực trạng về quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập tại trường học. Tổng cộng 60 người tham gia khảo sát bao gồm

cả CBQL (CBQL - bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng/phó tổ trưởng chuyên môn) và GV hiện đang công tác tại 04 trường trung học phổ thông trên địa bàn khu vực huyện Mỹ Xuyên (cũ), thành phố Cần Thơ. Địa bàn nghiên cứu này trước đây thuộc huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, sau khi có sự thay đổi về địa giới hành chính, các trường khảo sát hiện có địa chỉ như sau: THPT Mỹ Xuyên (phường Mỹ Xuyên), THPT Văn Ngọc Chính (xã Nhu Gia), THPT Hòa Tú (xã Hòa Tú) và THPT Ngọc Tó (xã Ngọc Tó), đều thuộc thành phố Cần Thơ. Việc lựa chọn khảo sát tại 4/4 trường THPT công lập của khu vực nhằm đảm bảo tính bao quát và đại diện. Số lượng người tham gia từ mỗi trường được phân chia thành hai nhóm CBQL và GV được thể hiện chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê số lượng CBQL và GV tham gia khảo sát tại các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu

Trường THPT	CBQL	GV
Mỹ Xuyên	10	16
Văn Ngọc Chính	5	8
Hòa Tú	4	6
Ngọc Tó	4	7
Tổng cộng	23	37

2.2. Công cụ và quy trình thu thập dữ liệu

Công cụ chính dùng để thu thập dữ liệu là một bảng hỏi, được xây dựng dựa trên các tiêu chí đánh giá về công tác quản lý các điều kiện thực hiện hoạt động KTĐG KQHT theo tinh thần CTGDPT 2018. Cấu trúc bảng hỏi bao gồm các mục câu hỏi tập trung vào 05 nhóm điều kiện cốt lõi: (1) Hoạt động xây dựng kế hoạch mua sắm, tu sửa CSVC phục vụ KTĐG; (2) Tình hình khai thác, sử dụng và bảo quản trang thiết bị; (3) Việc lãnh đạo trường kiểm tra CSVC và phương tiện liên quan; (4) Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong KTĐG và (5) Hoạt động kiểm tra của hiệu trưởng đối với việc ứng dụng CNTT. Các mục hỏi được xây dựng dựa trên thang đo 4 mức độ, với các giá trị: 1 (Chưa đạt), 2 (Đạt), 3 (Khá) và 4 (Tốt). Bảng hỏi được phát trực tiếp tới các đối tượng khảo sát tại các trường và thu lại ngay sau khi hoàn thành. Dữ liệu thu thập được làm sạch và chuẩn bị cho quá trình phân tích thống kê.

2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu định lượng từ bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm SPSS. Các kỹ thuật phân tích thống kê chính được áp dụng là:

- Thống kê mô tả: Tính toán tỷ lệ phần trăm phản hồi cho từng mức độ đánh giá và giá trị trung bình (ĐTB) cho từng điều kiện quản lý. Kết quả được trình bày chung và phân tách cho hai nhóm CBQL và GV. ĐTB được tính bằng tổng điểm đánh giá của tất cả các đối tượng cho từng mục hỏi (hoặc nhóm mục hỏi) chia cho tổng số phản hồi hợp lệ. Để diễn giải kết quả ĐTB, nghiên cứu sử dụng thang phân loại sau: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$: Chưa đạt; $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,51$: Đạt; $2,52 \leq \text{ĐTB} \leq 3,27$: Khá; $3,28 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$: Tốt.

- Thống kê suy luận: Sử dụng kiểm định Independent Samples T-test để xác định xem có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào trong đánh giá thực trạng giữa nhóm CBQL và nhóm GV đối với từng điều kiện quản lý. Ngưỡng ý nghĩa được thiết lập ở mức alpha (α) = 0,05.

Ngoài ra, dữ liệu về tình hình thực tế về CSVC và trang thiết bị tại các trường khảo sát cũng được tổng hợp và trình bày dưới dạng bảng thống kê mô tả.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng quản lý các điều kiện thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Kết quả thu thập được từ việc đánh giá thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động KTĐG KQHT bởi cả hai nhóm CBQL và GV tại các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý các điều kiện thực hiện hoạt động KTĐG KQHT tại các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu

TT	Nội dung	Nhóm	Kết quả thực hiện				ĐTB	ĐTB CBQL và GV	Sig
			Tỉ lệ (%)						
			4	3	2	1			
1	Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, tu sửa CSVC phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá.	CBQL	0	34,8	65,2	0	2,35	2,31	0,29
		GV	0	32,4	62,2	5,4	2,27		
2	Ban in sao đề, các tổ chuyên môn tăng cường khai thác, sử dụng, bảo quản trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá một cách có hiệu quả.	CBQL	56,5	43,5	0	0	3,57	3,50	0,12
		GV	35,1	62,2	2,7	0	3,32		
3	Lãnh đạo trường kiểm tra việc khai thác, bảo quản, sửa chữa các phương tiện, CSVC phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá.	CBQL	0	47,8	52,2	0	2,48	2,42	0,45
		GV	0	40,5	54,1	5,4	2,35		
4	Nhà trường xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá KQHT	CBQL	60,9	34,8	4,3	0	3,57	3,53	0,66
		GV	48,6	51,4	0	0	3,49		
5	Hiệu trưởng kiểm tra việc khai thác, sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá.	CBQL	21,7	78,3	0	0	3,22	3,21	0,94
		GV	27	64,9	8,1	0	3,19		
ĐTB chung		CBQL					3,03	2,98	
		GV					2,92		

Dựa trên Bảng 2 cho thấy, điểm đánh giá trung bình chung về thực trạng quản lý các điều kiện này đạt 2,98. Theo thang phân loại đã sử dụng ($2,52 \leq \text{ĐTB} \leq 3,27$ là “Khá”), mức điểm 2,98 nằm gọn trong khoảng “Khá”. Điều này hàm ý rằng, xét một cách tổng thể, công tác quản lý các điều kiện thực hiện hoạt động KTĐG tại các trường THPT ở khu vực nghiên cứu đã đạt được mức đánh giá “Khá” theo quan điểm của nhóm đối tượng khảo sát.

Kết quả phân tích kiểm định T-test độc lập cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig} > 0,05$) trong đánh giá thực trạng giữa hai nhóm CBQL và GV đối với bất kỳ điều kiện nào được khảo sát. Điều này cho thấy có sự đồng thuận và cái nhìn tương đồng về thực trạng quản lý các điều kiện giữa cán bộ quản lý và giáo viên.

Để hiểu rõ hơn, cần xem xét kết quả chi tiết từng điều kiện:

- Điều kiện 1 (Kế hoạch mua sắm, tu sửa CSVC): ĐTB chung là 2,31, tương ứng với mức “Đạt”. Mặc dù công tác xây dựng kế hoạch đã được triển khai, nhưng mức độ thực hiện và hiệu quả vẫn còn khiêm tốn, chưa đạt tới mức “Khá”.

- Điều kiện 2 (Khai thác, sử dụng, bảo quản thiết bị): ĐTB chung đạt 3,50, xếp ở mức “Tốt”. Kết quả này cho thấy các tổ chuyên môn và bộ phận in sao đã thực hiện khá tốt việc quản lý và vận hành các trang thiết bị sẵn có phục vụ KTĐG.

- Điều kiện 3 (Lãnh đạo trường kiểm tra CSVC/phương tiện): ĐTB chung là 2,41, cũng ở mức “Đạt”. Công tác kiểm tra, giám sát của lãnh đạo nhà trường đối với việc sử dụng và quản lý CSVC, phương tiện phục vụ KTĐG cần được tăng cường và nâng cao hơn.

- Điều kiện 4 (Kế hoạch ứng dụng CNTT): ĐTB chung cao nhất trong các điều kiện, đạt 3,53, thuộc mức “Tốt”. Điều này phản ánh sự quan tâm mạnh mẽ và định hướng rõ ràng của nhà trường trong việc tích hợp ứng dụng CNTT vào hoạt động KTĐG.

- Điều kiện 5 (Hiệu trưởng kiểm tra ứng dụng CNTT): ĐTB chung là 3,19, nằm trong khoảng “Khá”. Mặc dù công tác kiểm tra, giám sát của hiệu trưởng đối với ứng dụng CNTT trong KTĐG

đạt mức khá, nhưng điểm này vẫn thấp hơn so với việc xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, cho thấy việc biên kế hoạch thành hành động hiệu quả vẫn còn là một thách thức.

3.2. Tình trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá

Để làm rõ hơn về tình hình các điều kiện CSVC và trang thiết bị, Bảng 3 cung cấp số liệu thống kê về số lượng một số thiết bị tại các trường được khảo sát [12].

Bảng 3. Tình trạng CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động KTĐG tại các trường THPT khảo sát

CSVC, thiết bị	THPT Mỹ Xuyên	THPT Văn Ngọc Chính	THPT Hòa Tú	THPT Ngọc Tố
Máy vi tính	10	9	6	4
Máy in	10	9	6	4
Máy photo	1	1	1	0
Máy chấm trắc nghiệm	0	0	0	0
Phòng học	25	21	20	14

3.3. Bàn luận

Kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng, thực trạng quản lý các điều kiện thiết yếu cho việc thực hiện hoạt động KTĐG tại các trường THPT trên địa bàn khu vực huyện Mỹ Xuyên (cũ), thành phố Cần Thơ hiện được đánh giá ở mức “Khá”. Điểm sáng trong công tác quản lý này là sự chú trọng của các trường vào việc xây dựng kế hoạch cho ứng dụng CNTT trong KTĐG, đạt mức “Tốt”. Phát hiện này khá tương đồng với xu hướng chung về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đang diễn ra [1], [8]. Ngược lại, điểm hạn chế chủ yếu nằm ở các điều kiện về CSVC, trang thiết bị và công tác kiểm tra, giám sát liên quan đến các yếu tố vật chất này. Mức đánh giá “Đạt” cho thấy các điều kiện CSVC cơ bản đã được trang bị đến một mức độ nhất định, nhưng rõ ràng vẫn chưa đầy đủ và hiện đại để đáp ứng một cách tối ưu các yêu cầu ngày càng cao của đổi mới KTĐG theo CTGDPT 2018.

Việc thiếu hụt các thiết bị chuyên dụng như máy chấm trắc nghiệm được Bảng 3 xác nhận tại cả bốn trường khảo sát, là một minh chứng cụ thể cho những khó khăn về CSVC mà các trường THPT tại khu vực nghiên cứu đang gặp phải. Hạn chế này không chỉ gây trở ngại cho hiệu quả công việc của GV trong việc chấm bài kiểm tra trắc nghiệm quy mô lớn, mà còn hạn chế đáng kể khả năng áp dụng và phát triển các hình thức KTĐG đa dạng, khách quan phù hợp với yêu cầu của CTGDPT 2018. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu thiết bị này có thể bao gồm nhiều yếu tố, từ ngân sách đầu tư còn eo hẹp ở các địa phương nông thôn, việc lập kế hoạch mua sắm chưa thực sự ưu tiên đúng mức cho các thiết bị chuyên biệt phục vụ KTĐG, đến nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng và sự cần thiết của các thiết bị hiện đại trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Mặc dù công tác kiểm tra, giám sát việc ứng dụng CNTT trong KTĐG được đánh giá ở mức “Khá”, nhưng kết quả này vẫn cho thấy điểm trung bình thấp hơn so với mức “Tốt” của việc xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT. Điều này cho thấy một khoảng cách nhất định giữa việc xây dựng chủ trương, kế hoạch với việc triển khai trên thực tế và kiểm soát hiệu quả. Biến các kế hoạch ứng dụng CNTT thành hành động thường xuyên, có hiệu quả và được kiểm soát chặt chẽ vẫn còn là một thách thức đòi hỏi nỗ lực. Tương tự, công tác kiểm tra CSVC nói chung chỉ dừng lại ở mức “Đạt”, nhấn mạnh sự cần thiết phải nâng cao vai trò, sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát hơn từ phía lãnh đạo nhà trường trong việc quản lý, khai thác và bảo quản tài sản, phương tiện phục vụ KTĐG [3], [13].

Kết quả phân tích cho thấy sự đồng thuận trong đánh giá thực trạng giữa nhóm CBQL và GV (biểu hiện qua Sig > 0,05), điều này là một điểm tích cực. Nó cho thấy cả hai nhóm đối tượng chính trong trường có cái nhìn tương đồng về những điểm mạnh và điểm yếu của công tác quản lý điều kiện KTĐG. Sự thống nhất về nhận thức này tạo nền tảng thuận lợi cho việc triển khai các giải pháp cải thiện vì sẽ có sự đồng lòng và phối hợp từ cả cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên.

So sánh với các nghiên cứu thực trạng KTĐG hoặc quản lý giáo dục ở các khu vực khác, tình trạng thiếu thốn CSVC và thiết bị công nghệ chuyên dụng thường là một vấn đề phổ biến ở các

trường thuộc vùng nông thôn hoặc các khu vực còn khó khăn về kinh tế [9]. Tuy nhiên, điểm sáng là các trường THPT ở khu vực nghiên cứu đã thể hiện sự quan tâm thông qua việc xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT [8]. Từ những phân tích trên, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều kiện thực hiện KTĐG cần tập trung giải quyết các hạn chế về vật chất và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện đã có và được bổ sung, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin. Điều quan trọng cần nhắc lại là các kết quả bàn luận này được gói gọn trong phạm vi các điều kiện về CSVC và công nghệ mà nghiên cứu đã xác định. Các yếu tố thuộc về năng lực của đội ngũ sư phạm, dù rất quan trọng, nằm ngoài phạm vi khảo sát của đề tài này và cần được nghiên cứu sâu hơn trong tương lai.

4. Kết luận

Dựa trên kết quả khảo sát nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý các điều kiện thiết yếu phục vụ KTĐG KQHT tại các trường trung học phổ thông trên khu vực huyện Mỹ Xuyên (cũ), thành phố Cần Thơ theo yêu cầu của CTGDPT 2018, một số điểm kết luận chính được rút ra như sau:

- Về tổng thể, công tác quản lý các điều kiện thực hiện hoạt động KTĐG KQHT tại các trường THPT thuộc khu vực nghiên cứu được đánh giá chung ở mức “Khá”.

- Điểm mạnh nổi bật trong công tác quản lý là sự chú trọng vào việc xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong KTĐG, được đánh giá ở mức “Tốt”.

- Tuy nhiên, các điều kiện về CSVC, trang thiết bị và công tác kiểm tra, giám sát liên quan đến CSVC vẫn còn nhiều hạn chế, được thể hiện qua mức đánh giá “Đạt”. Đây là những khía cạnh cần được quan tâm và cải thiện đáng kể.

- Một vấn đề tồn tại cụ thể tại tất cả các trường khảo sát là tình trạng thiếu thốn các thiết bị chuyên dụng phục vụ KTĐG, đặc biệt là máy chấm trắc nghiệm, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động KTĐG.

- Đánh giá thực trạng cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm cán bộ quản lý và nhóm giáo viên, phản ánh cái nhìn chung về tình hình hiện tại từ cả hai phía.

Những phát hiện này cung cấp cái nhìn tổng quan về thực trạng quản lý, chỉ ra các điểm mạnh cần phát huy và các điểm yếu cần khắc phục làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều kiện KTĐG, góp phần thực hiện thành công đổi mới giáo dục. Nghiên cứu cũng cho thấy sự cần thiết của các nghiên cứu tiếp theo, đặc biệt là các nghiên cứu đi sâu vào đánh giá năng lực thực hiện KTĐG của đội ngũ giáo viên, nhằm có được bức tranh toàn cảnh và đầy đủ hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Ministry of Education and Training, *Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT General Education Program*, Hanoi, December 26, 2018.
- [2] Ministry of Education and Training, *Official Letter No. 3935/BGDĐT-GDTrH regarding guidance on implementing secondary education tasks for the academic year 2024-2025*, Hanoi, July 30, 2024.
- [3] V. L. Ho, *Educational and Schools Management*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City University of Pedagogy Publishing House (in Vietnamese), 2010.
- [4] L. T. M. Ha, “Developing a process for evaluating learning outcomes of junior high school students,” (in Vietnamese), PhD. Thesis, Vietnam National University, Hanoi, 2012.
- [5] D. C. Nguyen, *Measurement and Evaluation of Student Learning Outcomes* (in Vietnamese), Teaching Material, Faculty of Education, Vietnam National University, Hanoi, 2004.
- [6] T. H. Le and T. L. Mai, “Innovating learning outcomes assessment at high schools in Hanoi according to the 2018 General Education Program,” (in Vietnamese), *HNUE Journal of Science*, vol. 66, no. 6B, pp. 199-209, 2021.
- [7] D. Q. Ngo, *Scientific Research Methods*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City University of Pedagogy Publishing House (in Vietnamese), 2013.
- [8] M. L. Nguyen and T. V. Dang, “Application of information technology in school management at high schools in Thua Thien Hue province,” (in Vietnamese), *Hue University Journal of Science*, vol. 129, no. 6A, pp. 11-21, 2020.

-
- [9] T. H. Dang, "Reality of physical facilities management at high schools in adapting to the 2018 General Education Program," (in Vietnamese), *Journal of Education*, no. 493, pp. 58-61, 2021.
- [10] V. T. Tran, "Assessing the capacity of high school teachers to implement student learning outcomes assessment under the 2018 General Education Program in Nam Dinh province," (in Vietnamese), *Ho Chi Minh city Open University Journal of Science*, vol. 11, no. 3, pp. 39-55, 2021.
- [11] V. H. Nguyen, "Current status of implementing learning outcomes assessment according to the 2018 General Education Program in high schools in Tay Ninh province," (in Vietnamese), *Journal of Education Management*, no. 29, pp. 62-67, 2022.
- [12] Department of Education and Training of Soc Trang province, *Official Letter No. 2514/SGDĐT-GDTrH regarding guidance on implementing secondary education tasks for the academic year 2024-2025*, Soc Trang, August 27, 2024.
- [13] T. T. Duong, *Applied statistics in educational research*. Hanoi: Social Sciences Publishing House (in Vietnamese), 2005.